TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **90**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2022
Về việc: "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Minh Trung

2. Bà Hà Thị Kim Thu

- Thư ký ghi biên bản: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất: không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc **"**Tranh chấp về ly hôn và nuôi con**"** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị U, sinh năm 1985 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Các đương sự cùng địa chỉ: Ấp Hòa Thuận, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn xin ly hôn, chị Lê Thị U trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh B quen biết, tự nguyện đi đến hôn nhân vào cuối năm 2004, đến năm 2005 hai bên mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Trong thời gian chung sống, vợ chồng tôi sinh được 02 người con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Ngân, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Phước An, sinh ngày 03/3/2008.

Về mâu thuẫn gia đình: Trong suốt thời kỳ hôn nhân chúng tôi thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, hay xảy ra cự cãi, bất hòa trong gia đình.

Nay tôi thấy rằng đôi bên không gây dựng được cho nhau hạnh phúc nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất giải quyết những nội dung sau đây:

- Về hôn nhân: Tôi yêu cầu được ly hôn với anh B.
- Về con chung: **T**ôi yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của các con.
- Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Chúng tôi không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn B:* Anh B đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh B không có mặt theo các Thông báo của Tòa và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình về nội dung yêu cầu xin ly hôn của chị U nên không có lời khai của anh B tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về *quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị U khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn B. Phía bị đơn cư trú tại ấp Hòa Thuận, xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về quan hệ hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh B.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị U và anh Nguyễn Văn B kết hôn là do tự nguyện yêu thương và đi đến hôn nhân. Anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/6/2005 là đúng quy định của Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, trong thời kỳ hôn nhân anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, dẫn đến việc hai bên sống ly thân từ tháng 11/2021 cho đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau.

Hội đồng xét xử (HĐXX) xét thấy: Chị U và anh B hiện tại đang sống ly thân, không quan tâm đến cuộc sống của nhau trong suốt thời gian dài từ tháng 11/2021. Trong thời gian thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời các bên tham gia phiên hòa

giải nhưng anh B không đến tham dự, chứng tỏ anh B cũng không có thiện chí muốn hòa giải với chị U nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa anh chị không có. Như vậy, HĐXX có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa chị U và anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U.

[4]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Ngân, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Phước An, sinh ngày 03/3/2008. Hiện nay các cháu đang ở với anh B. Chị U yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng của con. Xét thấy, cả hai cháu Tuyết Ngân và Phước An đều có ý kiến muốn được ở với cha. Mặt khác, sau khi ly hôn chị U chưa biết sẽ ở nơi nào và sẽ làm gì. Do đó, để đảm bảo cho các cháu không bị xáo trộn về môi trường sống và xét về nguyện vọng cũng như quyền lợi mọi mặt của các cháu, HĐXX giao hai cháu Tuyết Ngân và Phước An cho anh B tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[5]. Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Chị U xác định không có nợ chung của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các bên có phát sinh tranh chấp về tài sản chung hoặc nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị U.

[6]. *Về án phí:* Chị U phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 227, 228 266 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Thị U được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Tuyết Ngân, sinh ngày 18/9/2004 và Nguyễn Phước An, sinh ngày 03/3/2008 đến khi các con đến tuổi trưởng thành.

Trong thời gian anh B nuôi dưỡng con chung, chị U có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha (mẹ) các cháu hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Chị U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị U xác định không có nợ chung của vợ chồng nên HĐXX không xem xét giải quyết.

5. Về án phí Hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị U phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo biên lai thu số 0007893 ngày 13 tháng 5 năm 2022. Chị U không phải nộp thêm.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Nguyễn Văn B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS cùng cấp;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- UBND xã Nam Thái Sơn;
- Lưu.

Nguyễn Thị Cúc